TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 7 năm 2022
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh;

2. Ông Trương Công Định.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Huế, Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên toà:*** Bà Đặng Thị Lan.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 59/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2022/QĐST – HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989;

Hộ khẩu thường trú: Tổ 08 (Tổ 29 cũ) phường I, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Vũ Duy D, sinh năm 1984;

Hộ khẩu thường trú: Tổ 08 (Tổ 29 cũ), phường I, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa vắng mặt chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, vắng mặt anh D lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Duy D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 5 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh D vướng vào tệ nạn xã hội nên nhiều lần gây gổ và đánh đập chị. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, động viên nhưng anh D không thay đổi. Khoảng tháng 5 năm 2019, anh D bị bắt do liên quan đến ma túy nên vợ chồng sống ly thân, khi anh D được tha, anh chị vẫn sống ly thân từ đó đến nay, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau nữa. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Vũ Duy D.

Về con chung: Chị và anh Vũ Duy D có một con chung là Vũ Nguyễn Linh Chi, sinh ngày 12/3/2012. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con C, không yêu cầu anh Vũ Duy D phải cấp dưỡng cho con. Nếu anh D có nguyện vọng nuôi con và con C muốn ở cùng anh D thì chị cũng đồng ý, chị sẽ cấp dưỡng cho con hàng tháng 1500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh D đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Vũ Duy D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn giữa chị T và anh. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại gia đình để ghi lời khai của anh D nhưng không thực hiện được.

Xác minh tại gia đình anh Vũ Duy D, ông Vũ Duy Sáng, là bố đẻ anh D cung cấp: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Duy D kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố Thái Bình vào ngày 26/5/2012. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng vợ chồng ông tại tổ 8, phường I, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Trong thời gian chung sống, anh chị không có tranh cãi chửi nhau nhưng do anh D nghiện ngập phải đi chấp hành án nên chị T bỏ đi lao động nước ngoài từ năm 2019 đến năm 2021 hết hợp đồng về nước thì không quay về sinh sống cùng gia đình ông nữa mặc dù anh D đã chấp hành án xong. Hiện nay, chị T không sinh sống tại địa phương, không sinh sống cùng anh D và con chung của anh chị. Về con chung: Anh D và chị T có 01 con chung là Vũ Nguyễn Linh C, sinh ngày 12/3/2012, hiện cháu C đang ở cùng anh D và vợ chồng ông. Từ năm 2019 đến nay chị T không thăm nom, chu cấp cho con. Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung gì vì từ ngày lấy nhau, anh chị ở cùng vợ chồng ông. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh D, về phía gia đình ông không muốn anh chị ly hôn mà muốn anh chị đoàn tụ, bản thân anh D cũng không muốn ly hôn. Gia đình ông theo công giáo nên việc ly hôn là không cho phép còn nếu chị T kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về việc nuôi con: Nếu anh chị ly hôn, ông đề nghị giao con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng vì

cháu hiện đang ở với bố đã ổn định chỗ ở và việc học tập. Hiện nay, anh D làm nghề lái xe nên có thu nhập để nuôi con. Đề nghị Tòa án buộc chị T cấp dưỡng cho con từ mỗi tháng từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông không có ý kiến gì về việc chia tài sản chung vợ chồng của anh chị.

Kết quả xác minh tại nơi cư trú của anh D, ông tổ trưởng tổ dân phố số 8, phường I, thành phố Thái Bình cung cấp: Anh Vũ Duy D và chị Nguyễn Thị T đều có hộ khẩu thường trú tại tổ 8, phường I, thành phố Thái Bình. Hiện nay, anh D và con gái là Vũ Nguyễn Linh C thường xuyên cư trú và sinh sống tại địa phương, còn chị T sinh sống ở đâu, làm việc ở đâu thì địa phương không nắm được. Về hôn nhân: Anh chị có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng bố mẹ anh D tại tổ 8, phường I, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Đến nay, anh D và chị T không chung sống cùng nhau nữa nên mâu thuẫn của anh chị địa phương không nắm được, anh chị cũng không báo cáo chính quyền địa phương về mâu thuẫn vợ chồng và cũng không yêu cầu hòa giải. Về con chung: Anh D và chị T có 01 con chung là cháu Vũ Nguyễn Linh C, sinh ngày 12/3/2012. Hiện nay, cháu đang ở cùng anh D và ông bà nội. Về tài sản của anh chị địa phương không nắm được thông tin. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh D, đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định cúa pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng về quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án gửi thông báo và giấy báo là tự từ bỏ quyền của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự. Về nội dung, đề nghị áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Vũ Duy D. Về nuôi con chung: áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là Vũ Nguyễn Linh C, sinh ngày 12/3/2012 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, buộc chị T phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Áp Dụng Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị T phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn

cứ vào khoản 2 Điều 227 ; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh D kết hôn tự nguyện, khi kết hôn không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường xã Hoàng Diệu, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ngày 26/5/2012 là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh D vướng vào tệ nạn xã hội. Anh D có thời gian phải chấp hành bản án, quyết định của Tòa án nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Mặc dù anh D không có ý kiến trình bày, gia đình không muốn anh chị ly hôn nhưng việc anh chị có mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng hiện tại đang sống ly thân là có thật. Mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, đời sống chung trên thực tế đã không còn tồn tại nên áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Vũ Duy D.

[3] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Duy D có một con chung là Vũ Nguyễn Linh C, sinh ngày 12/3/2012, hiện con đang ở cùng anh D. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên hiện nay, con chung của anh chị đang sống cùng anh D, bản thân cháu có nguyện vọng được ở cùng bố để ổn định cuộc sống cũng như việc học tập, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án chị T cũng đồng ý giao con cho anh D nuôi dưỡng. Do vậy, Hội đồng xét xử giao con chung anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu và gia đình, cũng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Do anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nên buộc chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[4] Về chia tài sản chung vợ chồng: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng, anh D không có ý kiến trình bày nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Chị T, anh D có quyền yêu cầu giải quyết việc chia tài sản chung vợ chồng khi cần thiết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Vũ Duy D.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Vũ Nguyễn Linh C, sinh ngày 12/3/2012 cho anh Vũ Duy D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung số tiền 1.500.000 đồng/1tháng, thời gian cấp dưỡng kể tứ tháng 7 năm 2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được ở với người trực tiếp nuôi dưỡng, chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị T và anh D có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về chia tài sản: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000640 ngày 30 tháng 5 năm 2022, chị T còn phải nộp 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Duy D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hay được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP Thái Bình;*
- *Chi cục THADS TP Thái Bình;*
- *UBND phường I, TP Thái Bình (Số 50/26.5.2012)*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hiền